

Số: 127 /BC-UBND

Quảng Thành, ngày 24 tháng 9 năm 2020

**Báo cáo tổng kết Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo
hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững,
giai đoạn 2016 - 2020; kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025**

Phần thứ I

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU
NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

I. Thuận lợi, khó khăn.

1. Thuận lợi.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện, sự giúp đỡ của các ban ngành cấp huyện, sự chỉ đạo trực tiếp của Ban thường vụ Đảng ủy xã; giám sát của HĐND xã, sự phối hợp có hiệu quả trong tổ chức thực hiện giữa UBND xã và Mặt trận các đoàn thể, các ban ngành cấp xã, huy động được cả hệ thống chính trị các thôn cùng vào cuộc, tạo được sự đồng thuận cao của toàn xã hội đối với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Là địa phương có thế mạnh về lĩnh vực trồng trọt, người dân cần cù chịu khó, có truyền thống trồng rau xanh, biết tận dụng tiềm năng thế mạnh của địa phương để khai thác nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống.

2. Khó khăn.

Là 1 xã thuần nông, sản xuất nông nghiệp của xã có điểm xuất phát thấp, phát triển chưa bền vững, tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro, nhất là lĩnh vực nuôi trồng thủy sản; việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và thủy sản còn chậm; điều kiện kinh tế, nguồn lực đầu tư còn gặp nhiều khó khăn, hạ tầng phục vụ sản xuất, dân sinh còn nhiều yếu kém, đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, nhận thức của người dân về xây dựng nông thôn mới còn hạn chế; nhiều vấn đề chưa được giải quyết triệt để như môi trường; thiếu việc làm.....

Công tác phát triển sản xuất còn ở quy mô nhỏ, manh mún; năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa còn thấp, tính cạnh tranh chưa cao, một số mô hình hoạt động còn mang tính tự phát, thiếu bền vững. Số mô hình phát triển kinh tế theo hướng liên doanh, liên kết với doanh nghiệp, mức độ tăng còn chậm (mô hình liên kết sản xuất rau an toàn); việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới và quy trình sản xuất tiên bộ chưa nhiều.

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực còn hạn chế, trình độ năng lực cán bộ cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu, còn nhiều lúng túng khi triển khai thực hiện đề án.

Là địa phương thuộc vùng thấp trũng, nằm cuối hạ lưu sông Bồ, thiên tai lũ lụt, dịch bệnh thường xuyên xảy ra làm ảnh hưởng quá trình sản xuất, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện.

1. Các văn bản chỉ đạo.

- Căn cứ Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện Quảng Điền UBND xã đã tham mưu với UBND huyện xây dựng kế hoạch cụ thể hóa thực hiện các nội dung đã đề ra trong đề án. Đồng thời đã tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn các Hợp tác xã Nông nghiệp, các đơn vị liên quan tham gia thực hiện đề án.

- Nhằm từng bước triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới xã Quảng Thành đã triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. UBND xã đã tăng cường công tác phối kết hợp với các cấp, các ngành cấp trên, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể để tuyên truyền, quán triệt đến mọi người dân về các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước như: Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ 7 BCH Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 1384/QĐ-BNN KH ngày 18/6/2013 của Bộ nông nghiệp và PTNT và Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành quy định tiêu chí cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 15 tháng 7 năm 2016 của huyện ủy Quảng Điền về tái cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 và Đề án “Tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016 - 2020”.

Trên cơ sở đó UBND xã Quảng Thành đã xây dựng và triển khai Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 20/12/2016 về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016 - 2020 của UBND xã. Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị từ xã đến thôn để tuyên truyền, vận động, hướng dẫn mọi người dân cùng tham gia thực hiện.

2. Các hoạt động chỉ đạo triển khai thực hiện.

Hàng năm UBND xã đã tham mưu cho Đảng ủy, Ban thường vụ Đảng ủy về kế hoạch, nhiệm vụ thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp toàn diện trên địa bàn toàn xã.

Tranh thủ huy động các nguồn lực của mọi thành phần, xây dựng kế hoạch đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, tham mưu cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo quy định của nhà nước.

Tăng cường công tác chỉ đạo 2 HTX nông nghiệp xây dựng phương án sản xuất kinh doanh và tổ chức thực hiện, liên doanh liên kết với các tổ chức, cá nhân để tiêu thụ nông sản thực phẩm của nông dân, phát triển thêm ngành nghề và sản phẩm mới.

Các HTX NN nghiên cứu nội dung của Đề án để xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh của HTX mình.

Nghiên cứu các mô hình sản xuất có hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Tổ chức giám sát việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong đề án, kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, kiểm tra các vùng quy hoạch trong HTX, kịp thời phát hiện những điểm chưa phù hợp để đề xuất điều chỉnh quy hoạch.

Thay đổi phương thức kinh doanh, dịch vụ các loại vật tư phục vụ sản xuất, chăn nuôi. Nắm bắt kịp thời giá cả thị trường để cung ứng hoặc thu mua các loại sản phẩm một cách hợp lý, tăng cường xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, các mối liên kết có khả năng bao tiêu để tìm đầu ra cho sản phẩm.

Các văn bản hướng dẫn chỉ đạo về tái cơ cấu ngành nông nghiệp của cấp trên, địa phương đã thường xuyên tuyên truyền quán triệt nghiêm túc cho toàn thể đảng viên và cán bộ chủ chốt trong xã; đồng thời chỉ đạo các HTX, Đội sản xuất triển khai đến tận người dân.

3. Huy động hệ thống chính trị, HTX và nhân dân triển khai thực hiện tái cơ cấu.

UBND xã xác định tái cơ cấu ngành nông nghiệp là nhiệm vụ rất quan trọng và lâu dài nhằm xây dựng thành công xã đạt chuẩn Nông thôn mới và xã NTM nâng cao, nên công tác tuyên truyền được chuyển tải đến người dân qua đài phát thanh đến từng thôn, thông qua qua các hội nghị của Mặt trận và các đoàn thể ở xã, HTX và Đội sản xuất. Qua công tác tuyên truyền hầu hết người dân đã tích cực hưởng ứng bằng các hành động cụ thể: Hiến đất, tham gia đóng góp sức người, sức của để tu sửa, nâng cấp các tuyến đường giao thông nội đồng, kênh mương, cầu cống để phục sản xuất ...

Công tác sơ kết, giao ban đánh giá tiến độ triển khai thực hiện Đề án được quan tâm, chú trọng. Xây dựng kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp hàng năm xem đây là một trong những chương trình trọng điểm của xã.

Các tổ chức trong hệ thống chính trị của xã tích cực tuyên truyền thông qua hoạt động của mình, bám sát kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp hàng năm của UBND xã, Nghị quyết của Đảng ủy, HĐND. Mặt trận và các đoàn thể xây dựng chương trình hành động làm nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động đã giúp cho cán bộ, đảng viên, nhân dân hiểu và thấy rõ được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, động viên nhân dân hiến đất, đóng góp công, tiền của để thực hiện đề án.

Cùng với việc triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới của các ban ngành, Mặt trận và các đoàn thể từ xã đến thôn cũng đã phối hợp

tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia thực hiện.

Ngoài ra Hội Nông dân, hội Phụ nữ cũng đã phối hợp với các ngành chuyên môn của huyện, dự án VIE/033, dự án CARE và Trường Đại học Nông Nghiệp Huế, các phòng, ban của huyện tổ chức 18 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trong sản xuất, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản cho 1.751 lượt hội viên, đoàn viên và người lao động trên địa bàn xã, tín chấp vốn vay qua ngân hàng Chính sách xã hội huyện với tổng dư nợ trên 30 tỷ đồng để hội viên đầu tư vào phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập.

III. Kết quả thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2016-2020.

1. Sự chuyển dịch trong cơ cấu ngành nông nghiệp.

a) Chuyển dịch trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

- **Về diện tích sản xuất:** diện tích chuyển dịch đất sản xuất nông nghiệp (đất trồng trọt, NTTS, lâm nghiệp,...) đến năm 2020 là 578,5 ha, giảm 6,5 ha so với năm 2015 (585 ha).

- **Về tỷ trọng giá trị sản xuất:** tỷ trọng giá trị sản xuất: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, đánh bắt thủy sản,... năm 2020 là 21,65%, giảm 5,68% so với năm 2015 (27,33%).

- **Về tỷ trọng lao động giữa các ngành nghề:** Số lao động trong nông, nghiệp và thủy sản năm 2020 là 38,81%, giảm 8,13% so với năm 2015 (46,94%); lao động công nghiệp-xây dựng là 27,19%, tăng 4,57% so với năm 2015 (22,62%); lao động dịch vụ thương mại là 33,98%, tăng 3,55% so với năm 2015 (30,43%).

b) Đánh giá sự dịch chuyển tỷ trọng giữa các ngành.

Tỷ trọng giá trị sản xuất các ngành nông ngư nghiệp giảm từ 28,84% năm 2015 xuống còn 21,65%; dịch vụ thương mại tăng từ 40,90% năm 2015 lên 41,55%; Tiểu thủ công nghiệp-xây dựng tăng từ 30,26% năm 2015 lên 36,80% năm 2020.

2. Sự dịch chuyển trong nội bộ từng ngành.

a) Trồng trọt

- **Về cây lúa:** Diện tích gieo trồng đến năm 2020 là 546,3 ha, giảm 3,7 ha so với năm 2015 (550 ha). Cơ cấu giống chủ lực gồm:

Vụ Đông xuân cơ cấu các giống: 4B chiếm 93,16%, còn lại là các giống ngắn ngày và nếp. Vụ Hè thu chủ lực là giống TH5 chiếm 63,95% và các giống Khang dân, HT1, Nếp. (Trong đó giống xác nhận chiếm trên 90 %).

Trong những năm qua mặc dù thời tiết diễn biến thất thường do biến đổi khí hậu, tuy nhiên việc sản xuất lúa liên tục được mùa, năng suất bình quân ước đạt 139,5 tạ/ha, sản lượng bình quân ước đạt 7.607 tấn/năm.

Trong những năm qua, sản xuất lúa liên tục được mùa, giá trị sản xuất lúa ước đạt 92,5 triệu đồng/ha

Rau xanh: diện tích đất trồng rau năm 2020 là 31,2 ha, giảm 3,8 ha so

với năm 2015 (35 ha), đã chuyển đổi thêm 0,5 ha đất trồng lúa năng xuất thấp sang trồng rau màu ở khu vực thế lại nâng diện tích trồng rau đến nay trên toàn xã là 31,2 ha, đã đưa toàn bộ diện tích vào sản xuất theo quy trình VietGap, UBND xã đang phối hợp với các ban ngành liên quan và 2 HTX tập trung chỉ đạo và đầu tư hạ tầng cho vùng rau như nhà lưới, hệ thống tưới phun tự động, hệ thống hàng rào bao quanh vùng sản xuất, tổ chức tập huấn và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ cho người sản xuất, đồng thời phối hợp với các cơ quan truyền thông để từng bước xây dựng thương hiệu rau Quảng Thành. Đã phối hợp với dự án LUX và Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện triển khai mô hình sản xuất rau hữu cơ tại Thôn Thanh Hà bước đầu với diện tích 0,67 ha. Giá trị sản xuất trên 01 ha rau đến nay ước đạt trên 500 triệu đồng/ha/năm.

b) Chăn nuôi thú y.

Là địa phương hạn chế về điều kiện chăn nuôi như địa hình thấp trũng, diện tích đồng cỏ ít, địa bàn dân cư tập trung, diện tích đất vườn của từng hộ nhỏ, là địa phương cuối nguồn của sông Bồ và sông Hương nên dễ tiềm ẩn dịch bệnh gia súc, gia cầm. Vì vậy để vừa phòng ngừa dịch bệnh, vừa giữ được sự ổn định đàn vật nuôi, thì công tác tiêu độc khử trùng định kỳ và phòng chống dịch bệnh được đặt làm tiêu chí hàng đầu để bảo vệ đàn vật nuôi trên địa bàn.

Đến nay tổng đàn trâu, bò khoảng 180 con, đàn lợn giảm mạnh do năm 2019 dịch tả lợn châu phi bùng phát trên địa bàn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành chăn nuôi. Đã có 83 hộ bị ảnh hưởng, số lợn chết và tiêu hủy là 377 con, trong đó lợn nái 121 con, lợn thịt 239 con và lợn con 17 con với tổng trọng lượng tiêu hủy là 29.263 kg. Do vậy, đến nay tổng đàn lợn là 432 con (lợn nái: 35 con), đàn gia cầm 55.500 con (trong đó vịt đàn: 22.000 con). Ngoài ra còn có một số vật nuôi khác như: chim cút, bồ câu, chim yến, vịt xiêm, ngang pháp...v..v..

Nhìn chung chăn nuôi đã được đầu tư và phát triển ổn định, mô hình nuôi lợn, gà thả vườn, đê mốt sinh học, trâu bò lúa tiếp tục duy trì và phát triển, đặc biệt đã gắn phát triển chăn nuôi trong nông hộ với việc giữ gìn vệ sinh môi trường trong thôn, xóm.

c) Nuôi trồng thủy sản.

1. Ngành nuôi trồng thủy sản đóng vai trò quan trọng góp phần thúc đẩy kinh tế vùng đầm phá phát triển theo hướng bền vững và có hiệu quả. UBND xã trực tiếp chỉ đạo 2 Chi hội nghề cá và bà con ngư dân triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng dịch bệnh, tăng cường tập huấn, quản lý chặt chẽ kế hoạch thời vụ, đồng thời chỉ đạo công tác nuôi xen canh nhiều đối tượng ...

2. - *Đối với vùng nước lợ*: Giữ ổn định diện tích nuôi trên 78,5 ha, chỉ đạo 100% diện tích đều nuôi xen ghép, không có nuôi chuyên tôm.

3. Tích cực chỉ đạo các hộ nuôi cải tạo ao hồ, xuống giống đảm bảo quy trình kỹ thuật và khung lịch thời vụ. Số lượng giống thả các loại như sau: tôm 870 vạn con; cua 43 vạn con; cá kình 48 vạn con; cá đối 5,6 vạn con

4. Thường xuyên tổ chức lấy mẫu kiểm tra qua máy PCR và xử lý Clorine cho các hồ bị nhiễm bệnh theo đúng quy trình và kỹ thuật hướng dẫn của ngành thú y, đồng thời chỉ đạo chi hội nghề cá Quán hòa thường xuyên tuyên truyền và vận động nhân dân cung cấp thông tin kịp thời đối với cấp quản lý.

5. Sản lượng nuôi 70,65 tấn, giá trị thu nhập từ 10 đến 10,6 tỷ đồng.

6. Sản lượng đánh bắt: 65 tấn

7. - *Đối với vùng nước ngọt*: Cá lồng 61 lồng (số giống thả 18.300 con); Cá lúa, cá hồ: 5,8 ha, với số lượng thả 4,1 vạn con cá giống các loại.

8. Sản lượng từ cá nước ngọt 13 tấn, giá trị thu nhập từ 1,2 đến 1,3 tỷ đồng.

9. Ngoài ra còn có một số mô hình như: nuôi lươn trong bể không bùn, nuôi ếch, mô hình cá lúa, sen cá... có hiệu quả.

10. Tuy nhiên trong năm 2019, 2020 do điều kiện thời tiết, môi trường nuôi không thuận lợi, sự lưu dẫn nước trên sông hạn chế, cự ly các lồng nuôi và mật độ nuôi không phù hợp nên dẫn đến cá chết (3,3 tấn) ảnh hưởng đến năng suất thu hoạch.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản: nước lợ, nước ngọt,... năm 2020 là 85,5 ha, tăng 13,5 ha so với năm 2015 (72 ha).

3. Các lĩnh vực khác.

a) Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Duy trì hoạt động quản lý và khai thác vùng mặt nước một cách có hiệu quả của 2 chi hội nghề cá, 6 tổ nuôi trồng thủy sản của các hộ gia đình nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tăng thu nhập cho ngư dân. Sản lượng đánh bắt: 92,5 tấn.

Toàn xã có khoảng 75 hộ sinh sống chuyên về nghề đánh bắt, bình quân cả năm thu được giá trị khoảng 72 triệu đồng/hộ, có khoảng 130 hộ không chuyên bình quân đánh bắt từ 4 - 5 tháng/năm, thu được giá trị khoảng 22 triệu đồng/hộ. Giá trị thu được từ nguồn đánh bắt thủy sản đạt 8,33 tỷ đồng.

b) Về ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học vào sản xuất.

Trong sản xuất cũng như chăn nuôi việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học được chú trọng và áp dụng bằng nhiều hình thức như:

- Làm khảo nghiệm các giống lúa mới có năng suất, chất lượng.
- Thực nghiệm các mô hình ACM, APM trong sản xuất.
- Chăn nuôi gia súc, gia cầm theo mô hình đệm lót sinh học.
- Sản xuất rau an toàn theo quy trình VietGap, rau hữu cơ.

c) Phát triển kinh tế trang trại, gia trại.

Những năm gần đây chăn nuôi gia súc, gia cầm đã phát triển theo hướng có quy mô tập trung hơn nhưng chỉ dừng lại ở mức độ nông hộ và gia trại.

Bước đầu đã hình thành một số hộ chăn nuôi có quy mô vừa như hộ ông Nguyễn May ở Thanh Hà, hộ ông Nguyễn Tư ở Thành Trung, hộ ông Phan Cảnh Tùng, Lê Văn Vinh, Lê Văn Quang, Trần Hương ở Phú Lương A ...

d) Quản lý HTX nông nghiệp; phát triển làng nghề, ngành nghề và các loại hình dịch vụ ở nông thôn...

Hai hợp tác xã nông nghiệp đã phát huy được vai trò, phương thức và nội dung hoạt động, nâng cao hiệu quả kinh doanh đảm bảo theo Luật Hợp tác xã. Tập trung thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đẩy mạnh công tác hỗ trợ bằng nhiều hình thức để các hộ nông dân đầu tư mua sắm công cụ máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ trong nông nghiệp tiếp tục phát triển đáp ứng được nhu cầu sản xuất, đã cơ giới hóa 100% khâu làm đất và 95% khâu thu hoạch, toàn xã hiện có 22 tổ dịch vụ với trên 125 máy công cụ các loại gồm 26 máy cày L3408, 05 máy cày tay, 14 máy gặt đập liên hợp, hàng vụ còn hợp đồng thêm 7 máy ở nơi khác đến, 10 trạm bơm điện và 21 máy bơm dầu, đã góp phần tăng cường mối quan hệ giữa sản xuất và cung ứng dịch vụ, vật tư nông nghiệp, đảm bảo cho kinh tế hợp tác xã phát triển ổn định, đúng hướng, phục vụ tốt cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

Cán bộ HTX phần lớn đều được tham gia các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ để về phục vụ cho HTX, cán bộ được phân công từng mảng độc lập và phụ trách địa bàn các Đội sản xuất. Do lương bình quân thấp khoảng từ 2 – 3 triệu đồng/tháng và chưa nộp được BHXH nên chưa thu hút cán bộ làm việc ở HTX. Cán bộ HTX tuổi bình quân cao.

Quản lý nguồn vốn: Nguồn vốn của các HTX được hình thành và kết chuyển từ 2 nguồn cố định và lưu động trong đó nguồn cố định chiếm tỷ trọng lớn nhưng lại đóng vai trò công ích, ít sinh lãi, nguồn vốn lưu động được duy trì hai dạng tiền và thóc, được luân chuyển qua hàng hóa hoặc các dịch vụ để phục vụ sản xuất và kinh doanh.

Quá trình hoạt động và sản xuất kinh doanh của các HTX đều có lãi nhưng còn thấp từ 80-90 triệu đồng/HTX/năm.

e) Nguồn lực đầu tư:

- Tổng kinh phí; trong đó, ngân sách huyện, xã, nguồn vốn doanh nghiệp và nhân dân.

- Tổng vốn đầu mô hình tư phát triển sản xuất; hạ tầng phục vụ sản xuất.

VI. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Qua 5 năm thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, toàn thể cán bộ đảng viên và nhân dân trong toàn xã đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu vượt qua những khó khăn, thách thức và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, sản xuất nông nghiệp toàn diện đạt kết quả cao

tầng kinh tế xã hội, nhất là giao thông, thủy lợi ... được quan tâm đầu tư; chương trình xây dựng nông thôn mới được tập trung triển khai thực hiện đã góp phần tích cực đưa xã Quảng Thành đạt chuẩn Nông thôn mới

- So sánh chỉ tiêu kế hoạch.

S t t	Tên chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	So sánh với chỉ tiêu của xã	Ghi chú
1	- Tốc độ tăng trưởng ngành trồng trọt 3,5 - 4%/năm, chăn nuôi tăng 6-7%/năm, nuôi trồng thủy sản tăng 5%/năm. Giá trị thu nhập từ ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng đến cuối kỳ 35% của tổng giá trị toàn xã hội trên địa bàn.	Tỷ trọng ngành nông nghiệp đạt 21,65%	<i>Không đạt</i>	
2	- Giá trị sản xuất 100 - 105 triệu đồng/ha.	- Giá trị sản xuất ước đạt 116 triệu đồng/ha.	Đạt 110%	
3	- Cơ cấu cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp: + Khâu làm đất 100%. + Khâu thu hoạch 100%. + Khâu thủy lợi 100%.	- Cơ cấu cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp: + Khâu làm đất 100%. + Khâu thu hoạch 100%. + Khâu thủy lợi 100%.	Đạt 100%	
4	- Chăn nuôi: Đến năm 2020 tỷ lệ nái ngoại, nái lai/đàn lợn nái đạt 80%, tỷ lệ nạc hóa đàn lợn 80%, tỷ lệ đàn bò lai 50%.		<i>Không đạt</i>	
5	- Tổng sản lượng bình quân hàng năm: + Sản lượng cây lương thực có hạt từ 7.000 - 7.200 tấn/năm. + Sản lượng rau từ 1.800 - 2.000 tấn/ năm. + Sản lượng thịt hơi từ 700 - 750 tấn/ năm. + Sản lượng thủy sản từ 180 - 185 tấn/ năm.	- Tổng sản lượng bình quân hàng năm: + Sản lượng cây lương thực có hạt từ 7.400 - 7.600 tấn/năm. + Sản lượng rau từ 2000 - 2.200 tấn/năm. + Sản lượng thịt hơi 348 tấn/ năm. + Sản lượng thủy sản 183 tấn/ năm.	- Tổng sản lượng bình quân hàng năm: + Sản lượng cây lương thực có hạt (đạt 105%) + Sản lượng rau (đạt 110%) + Sản lượng thịt hơi 348 tấn/ năm. (<i>không đạt</i>) + Sản lượng thủy sản 183 tấn/ năm. (đạt 100%)	
6	- Diện tích lúa chất lượng cao 100ha.	- Diện tích lúa chất lượng cao 100ha.	Đạt	
7	- Diện tích rau an toàn 50 ha.	- Diện tích rau an toàn 31,2 ha.	<i>Không đạt</i>	

8	- Hiệu quả kinh doanh, dịch vụ lợi nhuận từ 130 - 150 triệu đồng/năm/HTX.	- Hiệu quả kinh doanh, dịch vụ lợi nhuận từ 80 - 90 triệu đồng/năm/HTX.	<i>Không đạt</i>
---	---	---	------------------

V. Những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

1. Khó khăn, hạn chế:

- Việc thực hiện các vùng sản xuất theo quy hoạch còn bất cập lúng túng, kết cấu hạ tầng để phục vụ sản xuất còn hạn chế.
- Công tác chuyển đổi hoạt động của các HTX theo luật HTX năm 2012 chậm đổi mới, chưa sáng tạo, hoạt động cầm chừng, hiệu quả thấp.
- Quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún thiếu tính liên kết, kinh doanh thiếu ổn định, công tác tích tụ ruộng đất còn khó khăn.
- Áp dụng cơ giới hóa và kỹ thuật trong sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch còn hạn chế, bất cập nhất là vào mùa mưa lũ, chất lượng nông sản thấp.
- Công tác chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi còn chậm nên mức độ phát triển kinh tế chưa cao. Những năm gần đây dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm thường xảy ra đã làm ảnh hưởng đến đàn vật nuôi.
- Các mô hình tổ chức sản xuất có hiệu quả nhưng công tác nhân rộng còn yếu, nhân dân còn trông chờ ỷ lại.
- Dịch vụ kinh doanh vật tư nông nghiệp thị phần còn thấp chưa thực sự cạnh tranh với tư thương.
- Nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh còn hạn chế.

2. Nguyên nhân.

a. Nguyên nhân khách quan:

- Do địa bàn thấp trũng, hay bị ngập úng vào mùa mưa lũ. Thời vụ sản xuất (kể cả lúa, rau và NTTS) đều bị lệ thuộc vào thời tiết.
- Một số diện tích canh tác dễ nhiễm mặn, năng suất thấp do nằm sát phá Tam giang, giáp với vùng nuôi trồng thủy sản.
- Chưa có bộ giống phù hợp để thay thế bộ giống hiện tại. Việc tổ chức thực hiện và nhân rộng các loại giống cây trồng, vật nuôi mới còn hạn chế. Chưa có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ, nông dân chưa thực sự mạnh dạn.
- Nguồn vốn của các HTX phục vụ sản xuất, kinh doanh dịch vụ còn quá hạn chế; Các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp còn thiếu hoặc đang xuống cấp.
- Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản xuất hiện ngày càng khó lường.
- Chưa sản xuất và chủ động được nguồn giống xác nhận tại chỗ .

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác quản lý điều hành chưa đồng bộ, người nông dân đang ỷ lại trông chờ vào sự đầu tư.

- Hoạt động của bộ khung các HTX trong việc điều hành, chỉ đạo sản xuất, chăn nuôi, dịch vụ chưa thực sự quyết liệt, việc chỉ đạo của UBND xã trong phát triển kinh tế toàn diện vẫn chưa rõ nét.

- Chưa mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng chất lượng và có giá trị cao, chưa có quy hoạch những vùng trọng điểm, tập trung có quy mô lớn để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp mang tính hàng hóa có chất lượng, số lượng lớn.

- Nguồn kinh phí đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa tạo được những mối liên kết để tiêu thụ sản phẩm.

3. Bài học kinh nghiệm.

- Thường xuyên tranh thủ sự chỉ đạo của UBND huyện, sự hướng dẫn giúp đỡ của các ngành, các cấp; sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Đảng ủy, TT. HĐND, đồng thời làm tốt công tác phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể từ xã đến thôn trong quá trình triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Tăng cường công tác chỉ đạo 02 HTX NN nghiên cứu các mô hình sản xuất có hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững và bảo vệ môi trường; giám sát việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong đề án, kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, kiểm tra các vùng quy hoạch trong HTX, kịp thời phát hiện những điểm chưa phù hợp để đề xuất điều chỉnh quy hoạch.

- Nắm bắt kịp thời giá cả thị trường để cung ứng hoặc thu mua các loại sản phẩm một cách hợp lý, tăng cường xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, các mối liên kết có khả năng bao tiêu để tìm đầu ra cho sản phẩm.

Phần thứ II

MỤC TIÊU, NỘI DUNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TÁI CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát.

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với dịch vụ - du lịch, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh mở rộng quy mô, tăng hệ số sử dụng đất, mặt nước; coi trọng sắp xếp, tổ chức lại sản xuất; tạo chuyển biến căn bản về tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả, chất lượng, giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp; tăng sức cạnh tranh của hàng hóa nông sản theo hướng thay đổi cơ cấu kinh tế dịch vụ - du lịch, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2025, đáp ứng nhu cầu trên thị trường; có kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất đồng bộ; giảm nghèo nhanh, bền vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Phấn đấu đến năm 2025, xây dựng Quảng Thành đạt xã nông thôn mới nâng cao.

2. Mục tiêu cụ thể.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân: Ngành trồng trọt 3,5 -4%/năm, Chăn nuôi 6-7%/ năm, Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản 5%/năm. Giá trị thu nhập từ ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng 50% của tổng giá trị toàn xã hội trên địa bàn.

- Giá trị sản xuất 120 - 125 triệu đồng/ha.

- Cơ cấu cơ giới hóa 100% các khâu dịch vụ trong sản xuất nông nghiệp:

- Đến năm 2025 phục hồi lại đàn nái hậu bị trên địa bàn, trong đó: tỷ lệ nái ngoại, nái lai/ đàn lợn nái đạt 80%, tỷ lệ nạc hóa đàn lợn 80%, tỷ lệ đàn bò lai 50% .

- Tổng sản lượng bình quân hàng năm:

+ Sản lượng cây lương thực có hạt từ 7.300 - 7.400tấn/ năm.

+ Sản lượng rau từ 2.000 - 2.200 tấn/ năm.

+ Sản lượng thịt hơi từ 450 - 500 tấn/ năm.

+ Sản lượng thủy sản từ 160 - 170 tấn/ năm.

- Xây dựng cánh đồng mẫu lớn sản xuất tích lúa chất lượng cao, mỗi HTX 1 cánh đồng có diện tích từ 50ha trở lên.

- Xây dựng 4 mô hình cánh đồng “xanh, sạch, đẹp”, có diện tích mỗi vùng từ 20ha trở lên.

- Tổ chức sản xuất rau theo quy trình VietGAP 31,2 ha, trong đó sản xuất theo quy trình hữu cơ 0,67 ha.

- Hiệu quả kinh doanh, dịch vụ lợi nhuận từ 130 - 150 triệu đồng/năm/HTX.

II. Định hướng và nội dung tái cơ cấu.

1. Trồng trọt.

Tập trung phát triển theo hướng tập trung quy mô lớn, phát triển các sản phẩm có thế mạnh của địa phương nhằm nâng cao giá trị sản xuất, các loại cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng, có năng suất, có giá trị thương mại với số lượng lớn mang tính hàng hóa.

- Về cây lúa: Đảm bảo giữ vững diện tích gieo trồng 540 ha, trong đó:

+ Mỗi HTX quy hoạch 1 cánh đồng lớn từ 50 đến 100 ha, đồng nhất về chủng loại giống, thời gian gieo trồng, chăm bón, thu hoạch.

+ Quy hoạch cánh đồng “ Xanh, sạch, đẹp”. Trong đó:

- HTX Phú Thanh quy hoạch 2 vùng gồm: Vùng Thượng Đồng - Năm mẫu và vùng Quảng sách

- HTX Kim Thành quy hoạch 2 vùng gồm: Vùng Chín mẫu - Đạt sét, vùng Đạt 2, đạt 3 Bàu mới.

+ Quy hoạch vùng lúa chất lượng cao 64 ha. Trong đó:

- HTX Phú Thanh 20 ha: Sản xuất các giống lúa Hà phát 3, HT1, ST24 tại các xứ đồng, Bàu kho, Đạt nhất, Năm mẫu

- HTX Kim Thành 44 ha: Sản xuất các giống lúa Hà phát 3, KH1 Tại các xứ đồng Đạt 1,2 Bàu Mới, xứ đồng Bàu bang.

- Cây rau màu: Tổ chức sản xuất theo quy trình VietGap cho toàn bộ diện tích rau, trong đó có 4 ha tổ chức sản xuất theo dự án liên kết chuỗi (giao trách

nhiệm cho Ban giám đốc HTX Kim Thành tổ chức quản lý điều hành); Tổ chức sản xuất 0,67 ha rau hữu cơ tại xứ đồng Thanh Hà (giao trách nhiệm cho Ban giám đốc HTX Phú Thanh tổ chức quản lý điều hành). Vận động nhân dân chuyển đổi một số diện tích đất trồng lúa sang trồng rau tại các xứ đồng Đạt điều, Chùa cừ, Đạt nhất. Trong đó có 5 ha áp dụng sản xuất kỹ thuật (như sản xuất rau trong nhà lưới, áp dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm nước như tưới phun tự động, tưới nhỏ giọt...), đồng thời chuyển giao kỹ thuật và triển khai trồng rau bằng phương pháp thủy canh, rau mầm trên giá thể cho một số hộ sản xuất có điều kiện.

Nghiên cứu để triển khai sản xuất rau theo phương pháp hữu cơ diện tích 0,5 ha tại Thượng Đồng, An Vân - Thủy điền.

Chỉ đạo các HTX đầu tư cơ sở vật chất để thực hiện khâu trung gian (thu mua, sơ chế, đóng gói và cung ứng cho các đơn vị). Năm 2020 từ nguồn ngân sách xã đầu tư xây dựng tại HTX Kim Thành nhà sơ chế rau an toàn ước khoản 300 triệu đồng để sơ chế, đóng gói sản phẩm rau trước khi cung cấp cho thị trường. Cụ thể HTX đảm nhận khâu quản lý giám sát chất lượng sản xuất, thu mua, sơ chế và phân phối sản phẩm ra thị trường.

Hoàn thành hồ sơ xây dựng thương hiệu rau Quảng Thành có đăng ký Logo, nhãn hiệu hàng hóa. Đăng ký sản phẩm rau ăn lá Quảng Thành là sản phẩm tiêu biểu theo chương trình quốc gia mỗi xã 1 sản phẩm OCOP

2. Chăn nuôi.

- Từng bước chuyển dần các phương thức chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng gia trại. Quy hoạch vùng chăn nuôi phù hợp, thuận tiện, quản lý được chất thải, ô nhiễm môi trường. Áp dụng các mô hình, kỹ thuật chăn nuôi mới ... để tăng hiệu quả đồng thời giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Phần đầu có 30 cơ sở chăn nuôi có quy mô theo từng loại vật nuôi trên một cơ sở như sau:

+ Trâu bò: 30 con trở lên.

+ Lợn: 100 con trở lên, lợn nái: 10 con trở lên.

+ Gia cầm 1.000 con trở lên.

- Phát triển chăn nuôi Trâu, Bò theo mô hình sinh sản và vỗ béo. Phần đầu đến năm 2025 có tổng đàn Trâu, Bò lên đến 500 con, phát triển mạnh đàn bò lai sind, cải tiến phương pháp nuôi nhốt (thay cách nuôi truyền thống thả rông) có phương án bảo vệ môi trường, quy hoạch vùng trồng cỏ phục vụ chăn nuôi.

- Phát triển chăn nuôi Lợn theo hướng tập trung, nuôi theo mô hình đê mê lót sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường, phần đầu đến năm 2025 nâng tổng đàn lợn lên 8.000 con. Phát triển đàn lợn nái lai 50% máu ngoại lên 500 con, chủ động đủ con giống phục vụ nhu cầu trên địa bàn

- Tập trung phát triển đàn gia súc, gia cầm có lợi thế và đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng, phát triển chăn nuôi theo hướng gia trại, trang trại. Phần đầu đến năm 2025 tổng đàn gia cầm tăng lên 70.000. Trong đó Vịt đàn 35.000 con, Gà 35.000 con.

Triển khai và nhân rộng một số đối tượng nuôi mới như vịt trời, chim trĩ, ngỗng, thỏ, baba.....

3. Nuôi trồng thủy sản.

- Tập trung đầu tư xây dựng và phát triển 2 vùng nuôi trồng thủy sản chính là:

+ Vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ ở khu vực Quán Hòa.

+ Vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở sông Bồ

- Tập trung tối đa diện tích mặt nước, những vùng trũng sản xuất lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản.

- Duy trì diện tích ao nuôi hiện có, phát triển theo mô hình nuôi xen ghép các đối tượng chủ lực, thích nghi với điều kiện tự nhiên của địa phương như Tôm Sú, Cua, cá Kinh, cá Đồi vùng nước lợ ven đầm phá; phát triển mô hình nuôi các đồng và 1 số đối tượng thủy sản nước ngọt mới như cá rô đầu vuông, cá Thát lát ở vùng nước ngọt, quy hoạch vùng cá - lúa, sen - cá.

- Phấn đấu đến năm 2025 nâng giá trị vùng nuôi nước lợ là 120 đến 150 triệu đồng/ha/năm.

- Phát triển diện tích nuôi cá đồng, cá - lúa, cá - sen đến năm 2025 lên 10ha.

- Ổn định số lồng nuôi hiện có, sắp xếp quy hoạch lại lồng nuôi, chỉ đạo mật độ nuôi và vận động nhân dân mua sắm máy sục khí tạo ô xy nhất là thời điểm nắng nóng.

4. Các lĩnh vực khác

a) Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Tiếp tục động viên nhân dân tập trung đầu tư tàu thuyền, ngư lưới cụ nhằm đánh bắt, khai thác thủy sản có hiệu quả, bảo vệ môi trường và làm tốt công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, ngăn chặn và có biện pháp xử lý kịp thời những trường hợp đánh bắt mang tính hủy diệt môi sinh môi trường trên sông, đầm phá.

b) Kinh tế trang trại, gia trại gắn với du lịch.

Nhằm thúc đẩy sản xuất chăn nuôi có hiệu quả và phát triển các HTX tranh thủ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các công ty đầu tư về sản xuất chăn nuôi từng bước chuyển đổi các mô hình sản xuất, chăn nuôi nhỏ lẻ, manh mún, kém hiệu quả sang các mô hình sản xuất gia trại.

Khai thác tiềm năng, lợi thế. Liên kết với các đơn vị du lịch xây dựng tua du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm giữa HTX Kim Thành, nhân dân và các đơn vị du lịch, liên doanh phát triển dịch vụ văn hóa thể thao ở HTX Phú Thanh, từng bước đảm nhận chuyển đổi mô hình quản lý chợ Tây Ba đi vào nề nếp và hoạt động có hiệu quả.

c) Quản lý HTX nông nghiệp; phát triển làng nghề, ngành nghề và các loại hình dịch vụ ở nông thôn; thủy lợi, cơ giới hóa...

Từng bước hoàn thiện bộ máy hoạt động của các HTX đảm bảo về số lượng, chất lượng và năng lực hoạt động. Tìm nguồn nhân lực trẻ có trình độ

và có nguyện vọng vào làm việc tại các HTX. Thường xuyên cử cán bộ HTX đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Chỉ đạo các HTX phải tự đổi mới phương thức hoạt động đáp ứng theo cơ chế mới, đa dạng hóa ngành nghề, dịch vụ như: trung gian bao tiêu sản phẩm nông nghiệp, mở rộng các loại hình cung ứng vật tư, vật liệu, thức ăn gia súc, liên doanh liên kết mở rộng các loại hình dịch vụ khác, làm tốt chức năng bả đỡ cho người nông dân.

III. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch

- Xây dựng quy hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đồng thời căn cứ quy hoạch để xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp và phân kỳ thực hiện. Cụ thể: Quy hoạch mở rộng vùng rau Thế Lại, Thanh Hà, Thượng Hói, quy hoạch cánh đồng mẫu lớn thành vùng trồng lúa chất lượng cao.

- Phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương phát triển sản xuất, chăn nuôi theo hướng quy mô lớn bền vững, có năng suất, chất lượng và bảo vệ môi trường.

2. Gắn tái cơ cấu ngành nông nghiệp với thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, chương trình OCOP.

Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho toàn xã hội, thị trường tiêu thụ hiệu được mục đích, ý nghĩa tốt đẹp của OCOP, từ đó kích thích tiêu thụ, thúc đẩy sản xuất, tạo điều kiện và động lực cho người sản xuất mạnh dạn đầu tư, phát triển các sản phẩm lợi thế của địa phương.

Phát triển sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đa dạng, từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn thị trường, đóng góp thiết thực cho mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Chương trình mỗi xã một sản phẩm trong những năm tiếp theo, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện xây dựng NTM nâng cao gắn với tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở địa phương.

3. Huy động các nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Tranh thủ mọi nguồn lực về vốn, đất đai, khoa học kỹ thuật từ các cấp các ngành và nhân dân trong và ngoài địa phương để đầu tư vào sản xuất nông nghiệp toàn diện, xây dựng nông thôn mới nâng cao.

- Vận động các doanh nghiệp, nhân dân liên kết, góp vốn để tích tụ ruộng đất từng bước hình thành các vùng sản xuất trọng điểm, mạnh dạn đưa các loại cây trồng, vật nuôi mới vào sản xuất để đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ. Dẫn tiến tới xây dựng những vùng sản xuất cánh đồng mẫu lớn.

4. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất, chế biến nông sản.

- Mở rộng quan hệ hợp tác để thu hút đội ngũ cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ có đủ năng lực để tổ chức thực hiện. Tăng cường công tác tập huấn,

chuyên giao KHKT về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, các mô hình, quy trình sản xuất có năng suất, chất lượng, có hiệu quả kinh tế và phù hợp với nhu cầu của thị trường.

- Hướng dẫn 100% nông dân sản xuất nguồn rau an toàn và chất lượng theo hướng VietGAP, hoàn thành việc đăng ký thương hiệu rau Quảng Thành.

- Chỉ đạo các HTX và nhân dân đầu tư mua sắm máy móc, đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ các khâu trong sản xuất nông nghiệp như làm đất, tưới tiêu, thu hoạch và chế biến sản phẩm.

5. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nâng cao năng lực cho lao động nông thôn.

- Tổ chức tuyên truyền phổ biến và quán triệt nội dung, mục tiêu đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” cho cán bộ và nhân dân trong toàn xã, tuyên truyền các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả, công khai quy hoạch, kế hoạch thực hiện để nhân dân tham gia góp ý.

- Phối hợp với các cấp các ngành chuyên môn tổ chức các lớp đào tạo nghề ngắn hạn, tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực sản xuất cho người lao động.

6. Làm tốt công tác quản lý, phát triển giống cây trồng, vật nuôi.

- Tăng cường công tác quản lý nguồn giống cây trồng, vật nuôi đảm bảo chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Lựa chọn những loại giống cây trồng, vật nuôi mới, phù hợp với điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng để đưa vào sản xuất, nuôi trồng.

7. Tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu và liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Nhằm tăng cường công tác xúc tiến thương mại các sản phẩm nông sản trước mắt cần quan tâm tổ chức các hội nghị, hội thảo xúc tiến thương mại tạo điều kiện để các doanh nghiệp thu mua, kinh doanh trong và ngoài tỉnh đến trao đổi thông tin với cơ sở sản xuất.

Hỗ trợ các cơ sở sản xuất cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, nâng cao kiến thức cho người trực tiếp sản xuất, sơ chế, chế biến và áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, khuyến khích việc dán tem nhận diện sản phẩm, gắn trách nhiệm của cơ sở sản xuất với chất lượng sản phẩm.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá các sản phẩm đảm bảo an toàn, khuyến khích HTX và nhân dân tham gia sản xuất nông nghiệp trên địa bàn ngày càng có nhiều nông sản thực phẩm an toàn đáp ứng nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao của toàn xã hội, góp phần xây dựng nền nông nghiệp sạch và bền vững, nâng cao và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

8. Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể; phát triển các câu lạc bộ, tổ hợp tác trong sản xuất nông nghiệp.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX NN, xây dựng đội ngũ

cán bộ có đủ trình độ, năng lực, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; đa dạng hóa các hình thức, lĩnh vực kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Vận động thành lập các Câu lạc bộ, Tổ hợp tác trong sản xuất nông nghiệp theo từng lĩnh vực, ngành nghề. Nâng cao hiệu quả hoạt động của 02 Chi hội nghề cá, các Tổ sản xuất rau an toàn, rau hữu cơ.

9. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tiếp tục tranh thủ các nguồn vốn để xây dựng kết cấu hạ tầng các vùng sản xuất một cách đồng bộ, xây dựng các tuyến kênh mương, giao thông nội đồng, làm tốt công tác chống úng, chống hạn; từng bước triển khai thực hiện cánh đồng mẫu, cánh đồng xanh, sạch, đẹp theo kế hoạch đặt ra.

10. Đầu tư các mô hình, dự án ưu tiên trên địa bàn.

IV. Khái toán nguồn vốn thực hiện

1. Tổng kinh phí

2. Phân kỳ đầu tư

TT	Hạng mục đầu tư	Tổng đầu tư (tỷ đồng)	Phân kỳ				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	Ngành trồng trọt	3,72	0,6	0,77	0,75	0,8	0,8
2	Ngành chăn nuôi, thủy sản	1,6		1,3		0,3	
3	Hạ tầng phục vụ sản xuất	3,525	0,8	0,525	0,7	0,6	0,9
4	Hoạt động khác						
	Tổng cộng	8,845	1,4	2,595	1,45	1,7	1,7

3. Nguồn vốn đầu tư

TT	Hạng mục đầu tư	Tổng (tỷ đồng)	Ngân sách		Dân và tín dụng	DN
			TW, Tỉnh, huyện	Xã		
1	Ngành trồng trọt	3,72	2,604	1,116		
2	Ngành chăn nuôi, thủy sản	1,6	1,12	0,48		
3	Hạ tầng phục vụ sản xuất	3,525	2,467	1,058		
4	Hoạt động khác					
	Tổng cộng	8,845	6,191	2,654		

V. Tổ chức thực hiện.

1. Trách nhiệm của UBND xã:

Tham mưu cho Đảng ủy, Ban thường vụ Đảng ủy về kế hoạch, nhiệm vụ thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp toàn diện trên địa bàn toàn xã.

Tăng cường công tác chỉ đạo 2 HTX NN xây dựng phương án sản xuất kinh doanh và tổ chức thực hiện, liên doanh liên kết với các tổ chức, cá nhân để tiêu thụ nông sản thực phẩm của nông dân, phát triển thêm ngành nghề và sản phẩm mới.

Tranh thủ huy động các nguồn lực của mọi thành phần, xây dựng kế hoạch đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, tham mưu cơ chế chính

sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, chính sách đất đai theo quy định của nhà nước.

2. Trách nhiệm của các HTX NN:

- Nghiên cứu nội dung của Đề án để xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh của HTX mình.

- Nghiên cứu các mô hình sản xuất có hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

- Tổ chức giám sát việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong đề án, kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, kiểm tra các vùng quy hoạch trong HTX, kịp thời phát hiện những điểm chưa phù hợp để đề xuất điều chỉnh quy hoạch.

- Thay đổi phương thức kinh doanh, dịch vụ các loại vật tư phục vụ sản xuất, chăn nuôi. Nắm bắt kịp thời giá cả thị trường để cung ứng hoặc thu mua các loại sản phẩm một cách hợp lý, tăng cường xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, các mối liên kết có khả năng bao tiêu để tìm đầu ra cho sản phẩm.

Phần thứ III

KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để thực hiện thành công đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đề nghị UBND huyện và các ngành chức năng cần quan tâm hỗ trợ một số vấn đề sau:

- Có chính sách hỗ trợ của nhà nước nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị, cá nhân đầu tư phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Quan tâm bố trí thêm nguồn lực để địa phương có đủ điều kiện thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra.

- Đầu tư phát triển một số mô hình sản xuất, nuôi trồng mới, có hiệu quả kinh tế cao.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- BTV Đảng ủy;
- Các HTX NN, Trường thôn;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Khoa

Phần thứ IV
PHỤ LỤC

1. Quy hoạch diện tích cây trồng chủ lực của địa phương (lúa, rau màu, lạc, hoa...)

TT	Loại cây trồng	TH 2020	Diện tích (ha)					Ghi chú
			Dự kiến diện tích gieo trồng qua các năm					
			2021	2022	2023	2024	2025	
1	Lúa	546,3	545,3	544,95	544,21	543,46	542,66	Vùng.....
2	Lạc							
3	Ném							
4	Khoai lang							
5	Rau	31,2	32	32,5	32,8	33,3	33,7	Thế Lại, An Vân, Thanh Hà,....
6	...							
Tổng cộng		577,5	577,3	577,45	577,01	576,76	576,36	

2. Quy hoạch diện tích lúa chất lượng.

TT	Vùng, xứ đồng	TH 2020	Diện tích(ha)					Ghi chú
			Dự kiến diện tích gieo trồng qua các năm					
			2021	2022	2023	2024	2025	
1	Bàu Kho	10,1	15					Phú Thanh
2	Năm Mẫu			18				Phú Thanh
3	Đạt 1				22			Phú Thanh
4	Chùa Cự					24		Phú Thanh
5	Đạt 2						27	Phú Thanh
6	Bàu Trung, Bàu mới	150	150	150	150	150	150	Kim Thành
Tổng cộng		160,1	165	168	172	174	177	

3. Quy hoạch diện tích cánh đồng lớn.

TT	Vùng	TH 2020	Diện tích(ha)					Ghi chú
			Dự kiến diện tích gieo trồng qua các năm					
			2021	2022	2023	2024	2025	
1	Thượng đồng, 5 mẫu, đạt 1	20						Phú Thanh
2	Trường 15, đạt 1+2		15					Phú Thanh
3	Đạt 3+4+5			15				Phú Thanh
4	Thâm điền, Phù Lang				17			Phú Thanh
5	Khu Hào, Đất Cát, Bàu Chân					16		Phú Thanh
6	I + II Đông, Cổ Vịt						10	Phú Thanh

7	Bàu Mới	20	30	30	30	30	30	Kim Thành
Tổng cộng		40	45	45	47	46	40	

4. Quy hoạch vùng chuyển đổi cơ cấu cây trồng

TT	Vùng	TH đến 2020	Diện tích(ha)					Ghi chú
			Dự kiến diện tích chuyển đổi qua các năm					
			2021	2022	2023	2024	2025	
1	Vùng Đồng Cao	10,1	15	18	22	24	27	Chuyển đổi giống lúa
2	Vùng Bàu dưới	20	15	15	17	16	10	Chuyển đổi giống lúa
3	Vùng An Vân		0,5	0,1	0,1	0,1	0,1	Chuyển từ lúa qua trồng rau
4								
...								
Tổng		30,1	30,5	33,1	39,1	40,1	37,1	

5. Phát triển vườn mẫu

TT	Thôn	TH 2020	Số vườn					Ghi chú
			Dự kiến số vườn qua các năm					
			2021	2022	2023	2024	2025	
1	Thành Trung		x					
2	Phú Lương			x				
3	Thanh Hà				x			
4	Thủy Điền			x				
5								
...								
Tổng cộng								

6. Quy hoạch các vùng chăn nuôi an toàn sinh học (tách biệt với dân cư)

TT	Tên vùng, vị trí	Dự kiến diện tích qua các năm (ha)					2021-2025
		2021	2022	2023	2024	2025	
1	Vùng Hạ đồng		1,15	1,15	1,15	1,15	1,15
2	Vùng Thê Lại		0,8	0,8	0,8	0,8	0,8
3	Quảng Sách		1	1	1	1	1
4	Hạ Bạc		0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

8. Khái toán kinh phí thực hiện các hoạt động ưu tiên của Đề án

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Tên hoạt động	Quy mô	Địa điểm	Kinh phí thực hiện				
				Tổng	Ngân sách TW, tỉnh, huyện	Ngân sách xã	Nhân dân, tín dụng	Doanh nghiệp
I	Trồng trọt							
1	Lúa	120	Trường 15, Quảng Sách,	2.520.000	1.764.000	756.000		
2	Rau	4	Thượng Hói, Thanh Hà, An Vân	1.200.000	840.000	360.000		
II	Chăn nuôi, thủy sản							
1	Đường dây điện cho nuôi thủy sản	1300m	Quán Hòa	1.300.000	910.000	390.000		
2	Khởi thông các thủy đạo cho nuôi thủy sản	1500m	Quán Hòa	300.000	210.000	90.000		
III	Hạ tầng phục vụ sản xuất							
1	Đường giao thông nội đồng	2300m	Năm mẫu, Nội Trạm, Cồn Bún	575.000	402.500	172.500		
2	Cống và Trạm bơm Ruộng cung		Ruộng Cung	700.000	490.000	210.000		
3	Đường Quai Mọ- Thế Lại	300m	Thế Lại	300.000	210.000	90.000		
4	Đường ruộng Họ	300m	Thủy Điền	300.000	210.000	90.000		

5	Đường Thê Lại	300m	Thủy Điền	300.000	210.000	90.000		
6	Đường Cửa Hói- Đạt 5	550m	Quán Hòa	550.000	385.000	165.000		
7	Đường Ruộng Quan	300m	Thành Trung	300.000	210.000	90.000		
8	Đường Lỗ Huy- Côn Giữa	500m	Quán Hòa	500.000	350.000	150.000		
IV	Các hoạt động khác							
	Tổng cộng							